

XÃ HỘI DÂN SỰ: KHÁI NIỆM VÀ CÁC VẤN ĐỀ

BUI QUANG DŨNG(*)

Xã hội dân sự hiện đang là vấn đề được cả giới nghiên cứu khoa học lẫn các nhà hoạch định chính sách quan tâm. Khái niệm "xã hội dân sự" xuất hiện khá sớm ở châu Âu. Các định nghĩa phổ biến về "xã hội dân sự" hiện nay đều nhấn mạnh tới tinh thần tự nguyện của công dân trong việc bảo vệ các quyền lợi hợp pháp và giá trị của mình. Theo đó, xã hội dân sự được tạo lập bởi các đoàn thể nhằm kết nối giữa những nhóm quyền lợi hiện đại và những tổ chức truyền thống, giữa các tổ chức chính thức và phi chính thức. Ở Việt Nam, ngoài các tổ chức xã hội truyền thống, nhiều tổ chức xã hội mới đã và đang ra đời. Các tổ chức đó đang tích cực tham gia và đóng góp vào nhiều hoạt động xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội Việt Nam trong điều kiện mới.

Hiện nay, không một tư duy về hoạch định chính sách phát triển nào có thể tránh bàn luận tới vấn đề "xã hội dân sự". Xã hội dân sự trở thành một điểm then chốt trong các cuộc thảo luận của cả giới nghiên cứu khoa học lẫn các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt tại các nước đang ở trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Bài viết này trình bày những nội dung chủ yếu liên quan tới vấn đề xã hội dân sự, cụ thể là một số vấn đề chung và những thảo luận sơ bộ về tình hình "khu vực dân sự" ở Việt Nam trong quá trình đổi mới.

1. Khái niệm "xã hội dân sự"

"Xã hội dân sự" là khái niệm xuất hiện sớm nhất ở nước Anh (1594), nó được hiểu là những con người sống trong cộng đồng. Sau đó, khái niệm này có hai nghĩa. Trong lý thuyết của các nhà triết học Scottish (thế kỷ XVIII), xã hội dân sự có nghĩa là xã hội văn minh với một nhà nước không độc đoán. Đến thế kỷ XIX, ở nước Đức, trong các trước tác chính trị của Heghen, thuật ngữ xã hội dân sự phân biệt với nhà nước. Heghen mô tả xã hội dân sự như là một phần của đời sống đạo đức, bao gồm ba yếu

tố: gia đình, xã hội dân sự và nhà nước; khái niệm hàm nghĩa lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó các cá nhân theo đuổi những lợi ích riêng trong giới hạn đã được pháp luật thừa nhận. Nhà triết học này nhấn mạnh rằng, một xã hội dân sự tự tổ chức cần phải do nhà nước cân nhắc và đặt trật tự cho nó, nếu không xã hội đó sẽ trở thành tư lợi và không đóng góp gì cho lợi ích chung.

Xét về những điều kiện lịch sử của xã hội dân sự, nó có thể được coi là một thành quả của sự phát triển lịch sử nhân loại. Xã hội dân sự xuất hiện lần đầu tiên tại một số nơi ở châu Âu vào cuối thế kỷ XVIII. Các giai cấp trung lưu mới cùng với giới hữu sản đang thương mại hoá, đòi hỏi những điều kiện khuyến khích sự phát triển của tích lũy tư nhân, trong khi nhà nước vẫn duy trì trật tự và tính ổn định hợp pháp nhưng không còn có thể áp đặt những trật tự tôn giáo trung cổ. Đây là giai đoạn nhà nước phát triển mạnh để duy trì luật pháp và trật tự mới dựa trên những nguyên lý của triết học Khai sáng.

Bốn nguyên lý sau của triết học Khai

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, Phó viện trưởng Viện Xã hội học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

sáng được coi là gắn liền với sự xuất hiện của xã hội dân sự trong thời đại này: 1) sự thay thế cái siêu nhiên bằng *tự nhiên*, tôn giáo bằng *khoa học*, quyết định của thần thánh bằng quy luật của tự nhiên; 2) đề cao vai trò của *lý tính* dựa trên kinh nghiệm, coi đó là công cụ giải quyết các vấn đề xã hội; 3) lòng tin vào *tính thiện* của con người và do đó, vào *tiến bộ* của nhân loại; 4) sự quan tâm tới những quyền con người, đặc biệt là *quyền tự do*. Từ quan điểm này, các nhà triết học Khai sáng nhìn xã hội dân sự như là một sự thay thế về mặt xã hội cho trạng thái tự nhiên, cho việc đề cao tính cá nhân và tinh thần hiệp hội đang nổi lên ở thời kỳ đó.

Khái niệm “xã hội dân sự” còn được đặc trưng bằng tinh thần cộng đồng. Các nhà xã hội học, đặc biệt là Tocqueville, coi nước Mỹ thế kỷ XIX là điển hình về mặt này. Giải thích về tinh thần hiệp hội ở Mỹ thế kỷ XIX, giới phân tích nhấn mạnh vào *sự tự nguyện, tinh thần cộng đồng và đời sống hiệp hội* độc lập như là những cơ chế đảm bảo sự cố kết xã hội đặc thù tại một xã hội đa sắc tộc. Sự tự nguyện và tinh thần cộng đồng của các công dân theo nghĩa đó là đặc trưng cho “bản chất” của khu vực dân sự và nó góp phần vào hoạt động có hiệu quả của nhà nước. Về sau này, nhiều phân tích đều nhấn mạnh tới tính đặc thù này và coi đó là cái tạo nên sự năng động của xã hội Mỹ.

Các định nghĩa phổ biến về “xã hội dân sự” hiện nay đều nhấn mạnh tới tinh thần tự nguyện của công dân trong việc bảo vệ các quyền lợi hợp pháp và giá trị của mình. Theo tinh thần này, xã hội dân sự được tạo thành bởi một loạt các đoàn thể nhằm kết nối giữa những nhóm quyền lợi hiện đại (công đoàn và các đoàn thể có tính chuyên

ngiệp) và những tổ chức truyền thống dựa trên mối quan hệ họ hàng, dân tộc, văn hoá và khu vực, giữa các tổ chức chính thức và phi chính thức. Những đoàn thể tự nguyện làm việc vì quyền lợi chung. Chúng được hình thành và khuyến khích phát triển bởi các cộng đồng địa phương. Nói một cách đơn giản, các tổ chức dân sự thể hiện nguyện vọng và nhu cầu của người dân. Người dân tự tổ chức lại căn cứ theo các nhu cầu, nguyện vọng hay tín ngưỡng chung và thể hiện thành các loại hình hoạt động.

Chính tinh thần cộng đồng tạo nên sự thay đổi có tính chiến lược của các tổ chức phi chính phủ trên thế giới hiện nay. Nguyên tắc “hành động dựa vào cộng đồng” đã chuyển vai trò của các tổ chức này từ phân phát phúc lợi sang củng cố, tăng cường các tổ chức và phong trào quần chúng; chuyển những người hưởng lợi từ vị trí người nhận sang người đóng góp. Hành động dựa vào cộng đồng phải chú trọng tới sự tham gia của những người hưởng lợi vì nó sẽ thúc đẩy sự hình thành các chiến lược phát triển bền vững, lấy con người và sự công bằng làm trung tâm. Đi cùng với đó là sự trao quyền, các cộng đồng phải có hiểu biết và khả năng kiểm soát đối với chính bộ máy quyền lực đang quyết định cuộc sống của họ.

Quan điểm phổ biến tại các thảo luận về những chính sách phát triển trong thập niên qua là *quan điểm nhìn xã hội dân sự từ góc độ tổ chức*. Theo nghĩa đó, xã hội dân sự được coi là một trong hai yếu tố của quản trị hiện đại. Một yếu tố được đại diện bởi những thiết chế cai trị cơ bản, bao gồm các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp ở mọi cấp chính quyền. Và môi trường trong đó các thiết chế thực hiện những

chức năng của mình là xã hội dân sự. Nó bao gồm các hình thức tham gia hoạt động xã hội chính trị của người dân, từ việc một người dân địa phương tìm đến cơ quan chính quyền để thúc giục lấp một cái hố trên đường, đến việc tổ chức số lượng lớn cư dân tham gia các tổ chức quần chúng trong xã hội hiện đại: đảng chính trị, hội doanh nhân, các đoàn thể khác v.v..

Những trào lưu tư tưởng xã hội học và triết học có ảnh hưởng ở châu Âu những năm sau Đại chiến thứ hai cũng xác định xã hội dân sự là một phạm vi tách biệt với nhà nước và thị trường. Điều đó có nghĩa rằng, xã hội dân sự bao hàm một loạt các tổ chức và các tổ chức này vừa độc lập, vừa bảo vệ trật tự hiện hành.

Quan điểm này có ảnh hưởng lớn tới các nhà hoạch định chính sách phát triển khi họ khuyến khích các thể chế dân chủ và cải cách thị trường ở các nước đang phát triển. Đó chính là điều được gọi là nghị trình "quản trị tốt", thịnh hành vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX; trong đó đề xuất rằng, một "quỹ đạo đạo đức" có thể được thiết lập giữa nhà nước, thị trường và xã hội dân sự. Ba cực này sẽ cân bằng sự phát triển, bình đẳng và ổn định. Nghị trình "quản trị tốt" đã dùng khái niệm xã hội dân sự trong những sáng kiến hỗ trợ sự phát triển của các nền kinh tế thị trường cạnh tranh, xây dựng nhà nước quản trị tốt, có khả năng cung cấp nhiều dịch vụ và luật pháp phù hợp hơn, thúc đẩy các thiết chế dân chủ và tích cực xã hội chính trị. Hỗ trợ sự hình thành và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO) là một phần của nghị trình này.

Từ quan điểm tổ chức, xã hội dân sự tạo thành "khu vực thứ ba" của xã hội với đặc

trưng cơ bản là *tính phi lợi nhuận*. Theo đó, xã hội dân sự là một đời sống xã hội diễn ra trong khoảng cách giữa nhà nước và thị trường. Đó là hoạt động xã hội của nam nữ công dân, của các hội nhóm, các tổ chức, xuất phát từ ý nguyện riêng, không phụ thuộc vào nhà nước và các tính toán kinh doanh. Khi mà năng lực giải quyết các vấn đề xã hội và khuyến khích sự phát triển xã hội của nhà nước ngày càng trở nên hạn chế, đồng thời vai trò của cộng đồng ngày càng trở nên quan trọng thì ý nghĩa của xã hội dân sự càng nổi bật.

Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là, trong khi việc xếp những tổ chức xã hội (chính phủ, quốc hội, các cơ quan quản lý nhà nước, các chính đảng) vào khu vực nhà nước khá dễ dàng, thì việc xác định "khu vực tư nhân" lại rất khó khăn do cái vỏ ngăn cách "phi chính phủ" của nó khá mong manh. Nguyên do là bởi khu vực tư nhân được cấu thành từ những hãng, xưởng kinh tế tư nhân (khu vực lợi nhuận) và những cơ quan, hiệp hội, tổ chức tình nguyện v.v. (khu vực phi lợi nhuận). Vì không có mục đích lấn chiếm hoặc chia sẻ quyền lực nhà nước, và cũng không nhằm theo đuổi lợi ích kinh tế (thị trường), nên những tổ chức thuộc khu vực phi lợi nhuận sẽ tạo ra một thành tố xã hội riêng, khác hẳn với những thành tố theo đuổi mục tiêu quyền lực nhà nước hoặc lợi nhuận thị trường. Thành tố phi lợi nhuận này được gọi là "xã hội dân sự".

2. Xã hội dân sự và phát triển

Tuy có nhiều ý kiến khác nhau về xã hội dân sự, nhưng người ta đều thống nhất ở một điểm chung là khái niệm này liên quan đến việc "củng cố phát triển và dân chủ".

Các khu vực dân sự giữ một *vai trò nhất định trong việc phát huy dân chủ*. Tại

nhiều nước đang phát triển thuộc khu vực châu Phi, Trung cận Đông và Đông Nam Á, nhà nước thường có tính tập trung cao độ và thiếu một cơ chế dân chủ thực sự. Ở các quốc gia này, một nhóm tương đối nhỏ (giai cấp nắm chính quyền) kiểm soát và lạm dụng nhà nước vì lợi ích riêng một cách có hệ thống trong hàng chục năm liền, trong khi nhiều nhóm, thành phần xã hội khác bị lãng quên hoặc thậm chí có thể bị kỳ thị. Đối với những bộ phận dân cư bị thiệt thòi này, một khu vực dân sự lớn mạnh sẽ tạo cho họ khả năng tiếp cận nhiều hơn quá trình quyết định chính sách. Điều này sẽ cải thiện sự tham gia chính trị của người dân và làm tăng hiệu quả của các hoạt động của nhà nước.

Đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự đối với "quản trị dân chủ" gồm có tăng cường trách nhiệm giải trình, tính công khai và phản hồi của cơ quan nhà nước, cũng như tăng cường sự tham gia và phổ biến thông tin đến người dân. Những cơ chế dân chủ (quy định của hiến pháp, quyền ứng cử và bầu cử v.v.) là điều kiện cơ bản và là môi trường cho tiến trình dân chủ. Nhưng, trong thực tế, một chương trình dân chủ tối thiểu cho bầu cử và sự đảm bảo hiến pháp đối với người dân vẫn còn chưa đủ. Không có sự trợ giúp của xã hội dân sự, không có sự cộng tác giữa nhà nước và các đại diện của xã hội và thiếu một văn hoá chính trị dân chủ (tôn trọng các quy tắc đạo đức và tôn trọng lẫn nhau v.v.) thì dân chủ sẽ không tồn tại. Vì thế, khuyến khích và trợ sức cho xã hội dân sự đóng một vai trò chính trị xã hội quan trọng, mang tính chiến lược.

Phát triển là một quá trình lâu dài về văn hoá - xã hội và cấu trúc tổ chức. Hai

nhân tố này đòi hỏi một nhà nước có tính trách nhiệm cao trong mọi quốc gia đang phát triển. Phát triển cũng như dân chủ không thể bị áp đặt và quá trình này liên quan đến toàn bộ xã hội. Chỉ một nhà nước đủ mạnh mới có khả năng thực thi và gìn giữ những điều kiện dân chủ và xác lập một nền "quản trị tốt" cho sự phát triển. Mặt khác, những nhân tố cơ bản cho dân chủ và phát triển lại thường phát sinh gắn liền với xã hội dân sự. Dân chủ tham gia không chỉ có nghĩa là tham dự bầu cử, mà còn có nghĩa là tham gia trực tiếp vào đời sống kinh tế, văn hoá và xã hội. Những hoạt động xoá đói giảm nghèo, những đóng góp cho giáo dục và đào tạo, sự trợ giúp những hoạt động nông nghiệp, kinh doanh và dịch vụ, những biện pháp đảm bảo bình đẳng giới, những cơ quan truyền thông, viện nghiên cứu độc lập và những hiệp hội đại diện quyền lợi cho người dân sẽ thúc đẩy sự phát triển thật sự.

Các tổ chức xã hội dân sự đóng góp với nhà nước bằng cách tham gia ngày càng tích cực vào quá trình cung cấp dịch vụ. Những nỗ lực của khu vực dân sự bổ sung vào nguồn lực và hoạt động của chính phủ trong việc phân phối dịch vụ, giảm nhẹ gánh nặng lên nhà nước. Song song với sự lớn mạnh của khu vực tư, nhà nước thu hẹp bớt lĩnh vực của mình. Xuất phát điểm cho công việc của xã hội dân sự thường là sự đáp ứng những nhu cầu cơ bản hay cung cấp những sản phẩm dịch vụ. Trên thực tế điều này bù đắp cho sự thiếu hụt của nhà nước. Ngoài những công việc có thể gọi chung là dịch vụ, thành viên xã hội dân sự cũng thực hiện chức năng đại diện cho quyền lợi của các nhóm công dân bị thiệt thòi khi đưa ra các khuyến nghị, tác động

đến điều kiện chính trị và quá trình soạn thảo chính sách nói chung. Như vậy, xã hội dân sự có một vai trò quan trọng trong việc đòi hỏi và thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của nhà nước đối với công dân của mình.

Giới phân tích nêu ra yêu cầu xem xét lại mối quan hệ giữa 4 loại hình thể chế lớn (gia đình, doanh nghiệp, nhà nước và hiệp hội) với lợi ích chung và phúc lợi tập thể hiện tại và tương lai. Chức năng chính của chính phủ là bảo đảm quốc phòng, luật pháp và cơ sở hạ tầng, còn thị trường thì điều tiết những lợi ích thuần túy tư nhân. Giữa hai mảng này là vô vàn những lợi ích và dịch vụ bán công hoặc bán tư, đồng thời đó cũng chính là phạm vi mà các hình thức tổ chức mới (khu vực *phi lợi nhuận*, hay còn gọi là *khu vực thứ ba*) phát huy vai trò của nó. Một không gian chính trị và xã hội đang mở ra đối với khu vực thứ ba. Bên cạnh các tổ chức phi lợi nhuận và tình nguyện hiện nay, còn có thêm cả những dạng lao động và những tổ chức mới. Như vậy là sự lớn mạnh của khu vực phi lợi nhuận không chỉ về lượng, mà cả về chất nữa. Trong kinh tế, người ta trông đợi ở các doanh nhân, người lao động và người tiêu dùng. Trong chính trị, người dân nhìn vào các chính trị gia và công chức. Trong khu vực thứ ba cũng có người quản lý, người lao động, tình nguyện viên, nhưng còn thêm một yếu tố cơ bản hơn, đó là *sự tự tổ chức* - tức là năng lực của các công dân trong việc tổ chức lại xung quanh những lợi ích và nhu cầu bên ngoài thị trường mà không chịu sự ép buộc nào từ phía nhà nước. Đây chính là khía cạnh "xã hội dân sự" của khu vực thứ ba: phối hợp vô số hành động tư nhân hướng tới lợi ích công cộng, phục vụ lợi ích công cộng.

Một câu hỏi đặt ra là, tại sao *sự tự tổ chức* ở rất nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay lại thể hiện rõ hơn so với nhiều thập niên trước kia? Giới phân tích cho rằng, xét về nguồn gốc và đối với nhiều xã hội, thì đó là do sự lớn mạnh của các giới trung lưu và sự chuyển đổi về giá trị trong thời gian qua; theo đó, các trách nhiệm về an sinh xã hội, các hoạt động văn hoá, các chương trình giáo dục và sự quan ngại về môi trường không còn đặt vào chỉ riêng nhà nước nữa (việc tư nhân hoá hệ thống an sinh xã hội - một sự kiện mà chỉ cách đây vài năm không dám nghĩ đến - giờ đây đã bước vào nghị trình chính trị). Đương nhiên, công dân vẫn kỳ vọng nhà nước gánh vác nhiều trách nhiệm, nhưng rõ ràng là trách nhiệm đó ít hơn rất nhiều so với trong quá khứ. Điều này không có nghĩa là công dân không còn tin tưởng vào nhà nước nữa, mà là họ có nhiều niềm tin hơn vào chính bản thân mình và vào những xã hội mà họ đang sống. Tại những xã hội có các quan điểm khác nhau về lợi ích công cộng, *khu vực thứ ba* tạo nên một sự đa dạng về thể chế, góp phần đổi mới và ngăn chặn những cơ chế độc quyền bằng cách tạo thêm một lĩnh vực tự tổ chức bên cạnh yếu tố quản lý nhà nước và thị trường.

3. *Đổi mới* và "xã hội dân sự" ở Việt Nam

Những thảo luận về "xã hội dân sự" ở Việt Nam xuất hiện khá sớm. Từ lâu, giới phân tích đã nhận ra rằng, nét đáng chú ý trong đời sống xã hội của làng, xã miền Bắc là xu hướng nông dân muốn hợp thành các "phe nhóm". Người ta phát hiện trong làng xã Việt vào thập niên 40 của thế kỷ trước tồn tại vô số các hình thức tổ chức "phi chính thức" (hội, phường v.v.), bên cạnh các

tổ chức "chính thức" (Gourou, 2003). Đặc trưng căn bản của các hình thức tổ chức này là chúng đều dựa trên sự liên kết tự nguyện của nông dân; trong những hội nhóm đó, người nông dân trở làm quen với cuộc sống cộng đồng, tập dượt vai trò mà họ sẽ đảm nhiệm trong làng, học cách "ăn nói". Đó là một trong nhiều bằng chứng để một số học giả đi tới kết luận về "tính xã hội cao" của người nông dân Việt Nam trước năm 1954 (Jamielson, 1998).

Sự có mặt của các hình thức tổ chức tự nguyện đó biểu hiện vị thế nhất định của nông dân Việt Nam trong thời kỳ ấy: họ không phải là người nông nô hay người nông dân bán tự do trong các lãnh địa trung cổ, mà là "người nông dân tự do" sống giữa một xã hội gồm những tiểu nông tư hữu, trong những làng xã ít nhiều có tính tự trị trong quan hệ với chính quyền quân chủ.

Sau khi thực hiện công cuộc *đổi mới*, bắt đầu từ năm 1986, hệ thống kinh tế của Việt Nam được xác định là "nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần bao gồm "khu vực nhà nước, khu vực tập thể, khu vực cá thể tư nhân, khu vực tư bản tư nhân và khu vực tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức".

Cùng với những tiến triển trong kinh tế là sự phát triển trong lĩnh vực xã hội. Từ sau Đại hội lần thứ VI, chính sách của Đảng đối với các hội nghề nghiệp đã có sự tiến triển, khuyến khích sự ra đời của các loại hình "hội" khác nhau. Kết quả là nhiều tổ chức xã hội mới đã hình thành; bên cạnh các tổ chức quần chúng và hội nghề nghiệp còn có các tổ chức định hướng theo lĩnh vực và các hội doanh nhân v.v.. Việc tồn tại với

số lượng lớn và có tính đa dạng của các loại hình tổ chức xã hội như vậy chứng tỏ rằng sự đa dạng hoá đang ngày càng tăng lên trong thực tế xã hội, kinh tế ở Việt Nam. Sự phát triển theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá xã hội Việt Nam dẫn đến việc xuất hiện những tác nhân xã hội mới và đổi mới các tác nhân xã hội đã có, chúng có thể được xem là những xúc tác cho các quá trình thay đổi này.

Một thống kê tiến hành trong tháng 6/2000 cho thấy, tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có tới 700 tổ chức xã hội. Tại thành phố Hồ Chí Minh, hơn 4/5 tổ chức xã hội hiện tại được thành lập sau năm 1985. Tại Hà Nội, gần 1/4 tổ chức xã hội đã tồn tại trước năm 1975 và gần 1/3 Đoàn thể quần chúng và khoảng 1/3 Hội nghề nghiệp đã tồn tại từ trước khi thống nhất đất nước. Về lý do và động cơ thành lập, tất cả các tổ chức xã hội ở hai thành phố này đều nhấn mạnh đến nguyện vọng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Sự ra đời của các tổ chức này được nhà nước công nhận, quá trình thể chế hoá chúng đã và đang được tiến hành. Ở nông thôn cũng diễn ra một quá trình xã hội tương tự: xuất hiện nhiều hội, các đoàn thể tự nguyện, "phi chính thức" và các phong trào xã hội v.v..

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá hiện nay ở Việt Nam, vai trò năng động của các tổ chức chính thức và phi chính thức, các đoàn thể tự nguyện và phong trào xã hội ngày càng thể hiện rõ rệt. Các tổ chức này đã và đang đóng góp tham gia tích cực vào việc đẩy mạnh thực hiện "dân chủ cơ sở", vào công tác xoá đói giảm nghèo, vào việc hình thành mạng lưới an sinh xã hội cũng như nhiều hoạt động xã hội khác tại các địa phương. □